TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 -8- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

-Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Dương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim O – sinh năm 1988

Địa chỉ: t 2, t 8, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C – sinh năm 1984

Địa chỉ: x 4, thôn D, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Kim O trình bày: Chị O và anh Lê Văn Ch tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 16/11/2016. Nhưng

không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chăm lo cho cuộc sống gia đình; thường xuyên có lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị O. Từ đầu năm 2019, anh C bỏ về quê tại xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống và thường xuyên gọi điện đe dọa chị Oanh; chị O và anh C sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị O không còn tình cảm với anh C nên chị O yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2016; Lê Hoàng L, sinh ngày 01/8/2018 và Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2019; hiện 03 con chung đang sống với chị O. Từ khi sinh đứa con thứ 2 thì anh C không quan tâm chăm sóc các con; khi sinh con chị O tự đẻ, tự chăm sóc, anh C cũng không đến thăm chị O và con. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau; anh C cũng không quan tâm hỏi thăm chị O và con, không phụ chị O chăm sóc hay đưa tiền cho chị O nuôi các con. Do anh C thiếu trách nhiệm làm cha nên, khi ly hôn chị O yêu cầu được nuôi 03 con chung; chị O không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Hiện chị O làm công nhân tại Công ty điện tử của Nhật Bản và nuôi dê sinh sản. Thu nhập mỗi tháng của chị O khoảng 13 đến 14 triệu đồng đủ nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có mảnh đất đứng tên vợ chồng. Vào đầu tháng 3/2022; anh C vào t 2, t 8, xã Đ, huyện Đ, Bình Thuận gọi điện cho chị O yêu cầu phải bán thửa đất để lấy tiền chia cho anh C, chị O đồng ý; chị O và anh C đã đến phòng Công chứng ở Đ, Bình Thuận chuyển nhượng thửa đất cho người khác và anh C đã lấy tiền. Chị O và anh C tự thỏa thuận tiền chuyển nhượng đất chia đều cho vợ chồng chị và 03 con chung mỗi phần bằng nhau. Phần của các con chung, chị O được nhận để tự nuôi con; anh C không cấp dưỡng cho con khi ly hôn. Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến.

Cha anh Lê Văn C là ông Lê B xác nhận sự việc giữa anh C, chị O xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ lâu. Khi ly thân anh C về sống với ông B rồi đi biển; anh C, chị O đã bán thửa đất ở Bình Thuận để chia tiền cho nhau, chị O nhận phần nhiều hơn để tự nuôi con; ông B có hỏi thì anh C bảo không sống được thì ly hôn và anh C đồng ý giao 03 con chung cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Chứng nói không đến Tòa án để Tòa tự giải quyết cho chị O ly hôn. Ông B xác định các con chung đang sống với chị O, ông B mong muốn Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim O, cho chị O được ly hôn anh Lê Văn C

Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2016; Lê Hoàng L, sinh ngày 01/8/2018 và Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2019 cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị O không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con nên đề nghị không xét.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí dan sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 15/6/2022, chị Phạm Thị Kim O khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn C có địa chỉ tại thôn D, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim O vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Phạm Thị Kim O và anh Lê Văn C có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa K, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 16/11/2016, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc; sau đó giữa chị O và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chăm lo cho cuộc sống gia đình; thường xuyên có lời lẽ xúc phạm, đe dọa chị O. Vợ chồng anh, chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, phần ai người ấy sống, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị O và anh C đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chị O yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2016; Lê Hoàng L, sinh ngày 01/8/2018 và Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2019; hiện 03 cháu đang sống với chị O. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh chị sống ly thân nhau đến nay cả 03 con chung đều ở với chị O, được chị O chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu T hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Anh C làm nghề biển và từ khi sống ly thân cho đến nay anh C không quan tâm và có trách nhiệm với các con. Qua làm việc với gia đình anh C thì được biết anh C đồng ý sau khi ly hôn thì giao 03 cháu cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để bảo đảm về quyền lợi mọi mặt cho các cháu. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ, cháu L và cháu T cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị Kim O không yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên không xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Phạm Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Kim O được ly hôn anh Lê Văn Chứng.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Lê Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2016; Lê Hoàng L, sinh ngày 01/8/2018 và Lê Hoàng T, sinh ngày 15/10/2019 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh C không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0002666, ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Kim O và anh Lê Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Đai Kai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Sang